

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”; “Làng văn hóa”; “Áp văn hóa”; “Bản văn hóa”; “Tổ dân phố văn hóa”;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 615/SNV-TĐKT ngày 03 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 4 như sau:

“3. Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (*khen hàng năm*), được quy định như sau:

a) Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận bằng văn bản; tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể tương ứng thì tổ chức Đảng, đoàn thể tương ứng đó phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”;

b) Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phải có sáng kiến, giải pháp cụ thể được Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền xem xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến bằng văn bản (*tiêu chuẩn sáng kiến áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức*); kết quả đánh giá, phân loại cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phải được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền (*theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hiện hành*) thông báo kết luận bằng văn bản.

4. Chưa khen thưởng hoặc chưa đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư tố cáo, phản ánh đang được xác minh làm rõ.”

2. Bổ sung điểm c vào khoản 6 Điều 4 như sau:

“c. Thực hiện chuyên án bắt giữ tội phạm của các lực lượng chức năng (*trừ trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền cho chủ trương*).”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm c, khoản 7 Điều 5 như sau:

“a) Đối với các kỳ thi, hội thi, hội diễn do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương làm nhiệm vụ thường trực trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi đạt giải nhất, giải nhì hoặc tương đương; riêng trong lĩnh vực văn nghệ, thể dục thể thao, khen thưởng tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi đạt giải nhất và tương đương;

b) Đối với các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia và của khu vực, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi và đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc giải nhất, giải nhì, giải ba; riêng trong lĩnh vực văn nghệ, thể dục thể thao, khen thưởng tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi đạt Huy chương Vàng, Bạc hoặc giải nhất, giải nhì và tương đương;

c) Đối với các kỳ thi giải Quốc tế, giải khu vực Châu Á, Đông Nam Á, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tập thể, cá nhân (*bao gồm cả huấn luyện viên, giáo viên hướng dẫn tập thể, cá nhân đạt giải*) đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng, giải khuyến khích hoặc hạng nhất, nhì, ba; giải thưởng của các tập thể, cá nhân phải có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, gồm các danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và danh hiệu thôn, làng, tổ dân phố văn hóa và tương đương (*sau đây gọi chung là danh hiệu Khu dân cư văn hóa*).”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, danh hiệu Khu dân cư văn hóa:

a) Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, danh hiệu Khu dân cư văn hóa được bình xét trước ngày 20 tháng 12 hàng năm (*trường hợp đặc biệt thời gian bình xét phải thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo*) và được công bố, trao tặng vào dịp tổng kết cuối năm của xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”; “Làng văn hóa”; “Ấp văn hóa”; “Bản văn hóa”; “Tổ dân phố văn hóa” (*viết tắt là Nghị định số 122/2018/NĐ-CP*);

b) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 12 của Nghị định số 122/2018/NĐ-CP;

c) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá” thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 6 của Nghị định số 122/2018/NĐ-CP.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương

1. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương để tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (*viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP*); Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để tặng cho Khu dân cư văn hóa, “Gia đình văn hóa” theo quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn tặng Giấy khen:

a) Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương tặng cho tập thể, cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 42 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và được tặng thưởng ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoàn thành một hạng mục công trình hoặc lập được thành tích đột xuất.

b) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương có giá trị dưới 100 triệu đồng (*đối với tập thể*), dưới 50 triệu đồng (*đối với cá nhân, Hộ gia đình*). Mức đóng góp cụ thể của tập thể, cá nhân và hộ gia đình để làm căn cứ xét khen thưởng do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định.

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tặng cho: gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” đủ 03 năm liên tục; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: tặng cho Khu dân cư được công nhận danh hiệu Khu dân cư văn hóa đủ 05 năm liên tục theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP; tặng cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc nhất trong số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa lần đầu.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 17 như sau:

“1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Quyết định này.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh Kon Tum, các bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương phát động hoặc do các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh phát động có thời gian từ 03 năm trở lên và phải đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Quyết định này; là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận lại sau 05 năm, kể từ ngày công nhận lần trước theo quy định tại điểm 2 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí bổ sung, phương pháp đánh giá, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ban hành kèm theo Quyết định 46/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh hoặc lập được thành tích xuất sắc đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể phải đảm nhiệm trên các lĩnh vực: an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn và trong một số lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia, khu vực hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức theo quy định tại khoản 7 Điều 5 của Quy định này;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Quyết định này, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy

chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật đối với mọi thành viên trong tập thể;”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Việc công bố trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp Nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương; riêng việc trao tặng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, ngoài việc thực hiện theo quy định tại các nghị định nêu trên, việc tổ chức trao tặng còn phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 và bổ sung khoản 8, khoản 9 vào Điều 21 như sau:

“1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

b) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước; đề nghị Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” cho các tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quản lý của tỉnh về tổ chức, cán bộ, quỹ lương theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (*viết tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BNV*).

3. Cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức:

b) Chỉ xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua thuộc đối tượng quản lý của tỉnh về tổ chức, cán bộ, quỹ lương; không đề nghị xét, tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua không thuộc đối tượng của tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV;

8. Đối với doanh nghiệp: đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương nơi không đóng trụ sở giao dịch chính khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do tỉnh Kon Tum phát động, Người đứng đầu đơn vị thành viên của doanh nghiệp đó khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp (*hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động*) khen thưởng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

9. Cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tôn giáo của tỉnh (*Sở Nội vụ*) xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo ở địa phương.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Đối tượng đạt đủ tiêu chuẩn trình khen thưởng cấp nhà nước phải được Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đăng tải thông tin công khai trên phương tiện thông tin của tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*hoặc Thường trực Tỉnh ủy*) xem xét, quyết định.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 của Điều 25 như sau:

“1. Thời điểm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Kon Tum*) khen thưởng như sau:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được trình chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hằng năm; hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với hoạt động của cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức (*danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và Bằng khen*) trình trong tuần thứ tư của tháng Hai hằng năm; hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh” trình trong tuần thứ tư của tháng Năm hằng năm. Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo, hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích năm học trình trước ngày 05 tháng 8 hằng năm, riêng hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với hoạt động của khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức (*danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen*) và danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh” đối với cá nhân thuộc ngành giáo dục và đào tạo trình trong tuần thứ nhất của tháng Tám hằng năm. Đối với cá nhân không thuộc diện đánh giá xếp loại của cơ quan, đơn vị, địa phương, việc trình khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cho các cá nhân này thực hiện chậm nhất trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định (*thông báo*) của cấp có thẩm quyền về kết quả đánh giá xếp loại đối với cá nhân đó;

2. Thời điểm các đơn vị, địa phương trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Kon Tum*) xét, trình hồ sơ khen thưởng cấp nhà nước như sau:

b) Hồ sơ đề nghị Chính phủ tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” trình cùng thời gian đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, trong tuần thứ tư của tháng Hai hằng năm; đối với hệ thống giáo dục và

đào tạo, trình cùng thời điểm xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, trong tuần thứ nhất của tháng Tám hằng năm;

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp nhà nước (*Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, huân chương các hạng*) trình trong tuần thứ nhất của tháng Năm hằng năm (*trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại*); đối với hệ thống giáo dục và đào tạo trình trong tuần thứ hai của tháng Tám hằng năm;”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 26 như sau:

“2. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh:

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết, liên hệ nhận hiện vật khen thưởng để trao tặng cho các tập thể, cá nhân.”

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 và bổ sung khoản 5 vào Điều 27 như sau:

“a) Đối với hồ sơ trình khen thưởng cấp nhà nước: Ngoài số lượng hồ sơ để Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại các điều, khoản nêu tại khoản 2 Điều 27 Quy định này, các đơn vị, địa phương có trách nhiệm bổ sung báo cáo thành tích và các chứng nhận liên quan đến thành tích của các tập thể, cá nhân được trình khen thưởng theo số lượng như sau: Bổ sung 07 bộ đối với trường hợp do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; 05 bộ đối với trường hợp là người đứng đầu và là các cơ quan cấp tỉnh; 03 bộ đối với các trường hợp khác còn lại để thực hiện quy trình xét, đề nghị khen thưởng, lưu trữ hồ sơ ở địa phương và để cung cấp hồ sơ cho các cơ quan Trung ương được Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương lấy ý kiến hiệp ý khen thưởng theo quy định hiện hành;

5. Các đơn vị, địa phương trình hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước bằng văn bản giấy đồng thời gửi văn bản qua hộp thư điện tử của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ tiếp nhận và tham mưu quy trình xét khen thưởng khi nhận được văn bản giấy và văn bản điện tử (*1. Ở định dạng “.doc” đối với tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị; 2. Ở định dạng “.pdf” đối với các hồ sơ khác có liên quan*).”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Quy định về tuyển trình khen thưởng.

Tuyển trình khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Điều 10 của Thông tư số 12/2019/TT-BNV và Điều 21 Quy định này.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:

“3. Số lượng thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ

chức, đơn vị cấp tỉnh do Chủ tịch Hội đồng quyết định nhưng không quá 10 thành viên (*đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có từ 09 đơn vị thuộc, trực thuộc trở xuống*) hoặc không quá 13 thành viên (*đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có từ 10 đơn vị thuộc, trực thuộc trở lên*); riêng đối với các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh, thực hiện theo quy định của cơ quan Trung ương của các đơn vị này (*nếu có*).”

Điều 2. Các sửa đổi khác:

1. Thay thế cụm từ “Thông tư số 08/2017/TT-BNV” bằng cụm từ “Thông tư số 12/2019/TT-BNV” tại: căn cứ của Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND; Điều 6, đoạn đầu của Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 13, Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 23.

2. Thay thế cụm từ “khoản 2 Điều 11 Thông tư số 08/2017/TT-BNV” bằng cụm từ “khoản 2 Điều 12 Thông tư số 12/2019/TT-BNV” tại khoản 2 Điều 9;

3. Bỏ cụm từ “được quy định tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum” tại khoản 6 Điều 41;

4. Bãi bỏ khoản 5 Điều 12 về danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp; các cơ quan đơn vị Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cụm, khối thi đua, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng 5 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Nội vụ (*Vụ Pháp chế*);
- Ban Thi đua khen thưởng Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các thành viên HĐTĐKT tỉnh;
- Báo Kon Tum, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chi Cục Văn thư- Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH_{2,8}, TĐKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hòa